TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2024
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị Thu L**, sinh năm 1995
Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.
2. Bị đơn: Anh **Danh Oanh N**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 của chị Thị Thu L, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải ngày 22/7/2024, 08/8/2024, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Thị Thu L trình bày:*

Vào năm 2013, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Danh Oanh N chung sống vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/02/2017 và đã được UBND xã Thạnh Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có một người con chung là cháu Danh Tuấn Anh, sinh ngày 30/01/2014 đang do anh Danh Oanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không có tài sản chung; không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng tháng 03/2024 thì tôi bắt gặp tin nhắn trên điện thoại của anh Danh Oanh N nhắn tin tình

cảm với người phụ nữ khác, chúng tôi cãi nhau và ly thân từ ngày 12/3/2024 dương lịch cho đến nay.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Danh Oanh N.

- Về con chung: Tôi đồng ý cho anh Danh Oanh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Tuấn Anh cho đến khi cháu Danh Tuấn Anh tròn 18 tuổi; tôi không cấp dưỡng nuôi cháu Danh Tuấn Anh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Anh Danh Oanh N trình bày:*

Chị Thị Thu L trình bày về hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Ý kiến của tôi như sau:

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị Thị Thu L.

Nếu Tòa án giải quyết cho tôi và chị Thị Thu L ly hôn thì tôi đồng ý tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Tuấn Anh cho đến khi cháu Danh Tuấn Anh tròn 18 tuổi; tôi không yêu cầu chị Thị Thu L cấp dưỡng nuôi cháu Danh Tuấn Anh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Tại phiên tòa*, chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Vào năm 2013, chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 08/7/2024, chị Thị Thu L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với anh Danh Oanh N và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N. Anh Danh Oanh N có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Danh Oanh N không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N đi đến hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/02/2017 và đã được UBND xã Thạnh Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Thị Thu L yêu cầu được ly hôn với anh Danh Oanh N.

Xét rằng: Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Danh Oanh N tự nguyện thừa nhận là anh Danh Oanh N có nhắn tin tình cảm với người phụ nữ khác, chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N đã ly thân với nhau từ ngày 12/3/2024 dương lịch cho đến nay nhưng anh Danh Oanh N không muốn ly hôn với chị Thị Thu L. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã hòa giải hôn nhân giữa chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N hai lần nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, chị Thị Thu L xác định là tình cảm của chị Thị Thu L dành cho anh Danh Oanh N không còn và chị Thị Thu L vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Danh Oanh N. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án cho ly hôn giữa chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N tự nguyện xác định là chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N có một người con chung là cháu Danh Tuấn Anh, sinh ngày 30/01/2014 đang do anh Danh Oanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nguyện vọng của cháu Danh Tuấn Anh vào ngày 19/7/2024 và nhằm đảm bảo quyền lợi, ổn định về tâm lý của cháu Danh Tuấn Anh, Tòa án cho anh Danh Oanh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Tuấn Anh cho đến khi cháu Danh Tuấn Anh tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi cháu Danh Tuấn Anh: Do anh Danh Oanh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị Thu L.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Thị Thu L phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị Thu L phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Thu L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005450, ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị Thu L không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh Oanh N không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N.

2- Về con chung: Cho anh Danh Oanh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Tuấn Anh, sinh ngày 30/01/2014 cho đến khi cháu Danh Tuấn Anh tròn 18 tuổi; chị Thị Thu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Danh Oanh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Thu L và anh Danh Oanh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

5.1. Chị Thị Thu L phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị Thu L phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Thu L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005450, ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị Thu L không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5.2. Anh Danh Oanh N không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (28/8/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
-UBND xã Thạnh Lộc, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương